

Một vài năm gần đây, lần lượt trên các đường phố lớn của Thành phố Hồ Chí Minh, đã nối tiếp nhau xuất hiện các "mart": Citimart, Minimart, Maximart, PNJmart, Vinamart, v.v... Vậy, "mart" là gì?

1. Xét về từ nguyên:

1.1. Theo *The American Heritage Illustrated Encyclopedic Dictionary*, Boston: Houghton Mifflin Co., 1987, tr. 1038, từ "mart" là tiếng Anh thời Trung cổ (Middle English, thế kỷ 12-16), viết tắt của từ "market".

1.2. Theo *Webster's New World Dictionary*, New York: Simon & Schuster, Inc., 1990, tr. 830, từ "mart" trong tiếng Anh thời Trung cổ, được viết là "marte", và là biến thể của từ "markt" trong tiếng Hòa Lan thời Trung cổ (Middle Dutch); và "markt" xuất phát từ tiếng La Tinh "mercatus", có nghĩa là "market".

2. Xét về ý nghĩa xa xưa (nay không còn dùng tới):

2.1. Từ điển *Webster's* (đã dẫn) cho biết "mart" xưa kia có nghĩa là mua bán, mặc cả (buying and selling; bargaining).

2.2. Theo từ điển *Webster's* (đã dẫn) và *American Heritage* (đã dẫn), xưa kia "mart" còn có nghĩa là hội chợ (a fair).

2.3. Theo J.H. Adam, *Longman*

Dictionary of Business English, Hong Kong: York Press, 1982, tr. 297, "mart" là một từ cũ dùng thay cho từ "chợ búa, nơi họp chợ" (an old-fashioned word for market, market-place).

3. Xét về ý nghĩa hiện nay:

3.1. Các từ điển dẫn trên cho rằng "mart" hiện nay được dùng với ý nghĩa là:

3.1.1. phòng bán đấu giá; trung tâm bán đấu giá (an auction room; auction centre); một tiệm buôn hay cửa hàng (a shop or store). Như vậy, khi người Anh nói "a car mart", nghĩa là nơi bán xe hơi; "a used car auction mart" là nơi bán đấu giá xe hơi cũ.

3.1.2. thị trường (a market); trung tâm buôn bán (a centre of trade, a trading centre). Như vậy, khi người Anh nói: "London is an international mart for stocks and shares." có nghĩa: Luân Đôn là một trung tâm quốc tế buôn bán các chứng khoán và cổ phiếu.

3.2. Cũng theo nghĩa 3.1.2. trên đây, J.H. Adam (đã dẫn) nói rộng ra hơn, rằng "mart" là một trung tâm buôn bán và thương mại sầm uất, thông thường là một thành phố lớn, đặc biệt là một cảng (a busy trading and commercial centre, usually a large town, especially a port).

4. Lạm nhĩ về các "mart" trong Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay:

Có lẽ cho đến bây giờ, các "mart" đang có xu hướng gia tăng số lượng trong Thành phố Hồ Chí Minh được hiểu theo nghĩa (3.1.2.) là trung tâm buôn bán (a centre of trade, a trading centre).

Cũng vài năm trước đây, các "cửa hàng bách hóa tổng hợp" được "thay thế" bằng "trung tâm thương mại", rồi là nhan nhản các "shop", và bây giờ hình như "thời trang" đang là "mart"! Phải chăng là một sự rối rắm các từ ngữ không cần thiết trong lúc tiếng Việt đã có sẵn các thuật ngữ tương đương thay cho "mart" một cách thích đáng. Xã hội chúng ta có cần thiết phải "Anh-Mỹ hóa" đến như thế không? Là người dân của một đất nước đã độc lập rồi, thử hỏi chúng ta có nên lơ đãng để vô ý thức tự mình "nô lệ" tiếng nước ngoài quá đáng như thế không?!

Quan tâm và muốn bảo tồn cái cội rễ văn hóa dân tộc giữa những làn sóng ngoại lai, thiết nghĩ cũng phải ý thức đề chừng đến sự mất gốc trong tiếng nói nước nhà, mà nó đang biểu hiện ở mặt này hay mặt khác, và đang gặm nhấm dần dần lòng tự trọng của dân tộc. Nhà nước có cần quản lý thị trường chữ nghĩa bằng những pháp luật cụ thể hơn và những biện pháp chế tài nghiêm ngặt hơn không? ■



Ảnh HÒA TẤN

LẠM BÀN VỀ CÁC "MART" TRONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ ANH DŨNG

Trung tâm Ngoại ngữ Kinh tế - Thương mại [ĐHK]